

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2022/HN- ST
Ngày 28/12/2022
V/v: “Xin ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Phong

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Nam

Ông Nguyễn Văn Hết

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Ngày **28** tháng **12** năm **2022** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 245/2022/TLST-HN ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc “xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 444/2022/QĐXXST-HN ngày 11/11/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 444A/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/11/2022 giữa:

*** Nguyên đơn:** Lâm Thị Hồng Đ, sinh 1997 (có mặt)

Trú tại: Ấp Phú L, xã An Đ, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

*** Bị đơn:** Hồ Văn T, sinh 1995 (vắng mặt không có lý do)

Trú tại: Ấp Phú Lộc Hạ 2, xã An Đ, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đ trình bày:

Vào năm 2019 tôi và anh T đã tiến tới hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp, anh T không chí thú làm ăn lo cho vợ con, từ đó vợ chồng đã sống ly thân cách nay khoảng 8 tháng. Nay tôi xin ly hôn với anh T.

Quá trình sống chung vợ chồng có 01 con chung tên Hồ Hải Đăng, sinh ngày 21/9/2019 và con đang sống cùng tôi. Sau khi ly hôn tôi xin nuôi con yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng đến khi con tròn 18 tuổi.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn Hồ Văn T vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng của Tòa án và cũng không có bất cứ lời trình bày nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm cho rằng các giai đoạn tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện nhiệm vụ tuân thủ đúng các quy định pháp luật, người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, nhưng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Áp dụng điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ.

Về con chung: Đề nghị giao con Hồ Hải Đăng, sinh ngày 21/9/2019 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con tròn 18 tuổi.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về áp dụng pháp luật tố tụng:***

[1] Về quyền khởi kiện: Chị Đ cho rằng quá trình sống chung giữa vợ chồng không còn hạnh phúc nên muốn ly hôn, do đó chị khởi kiện. Căn cứ điều 51 luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị Đ có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của chị Đ là tranh chấp về việc ly hôn. Căn cứ khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Bị đơn được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

**** Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Chị Đ, anh T kết hôn trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân, anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND cấp có thẩm quyền, do đó hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị sống có hạnh phúc, lẽ ra anh, chị phải biết gìn giữ, nhưng từ

những mâu thuẫn trong đời sống thường ngày mà anh, chị không tìm cách để khắc phục, sống ly thân bỏ mặt cho nhau. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết chị Đ vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, còn anh T đã được triệu tập rất nhiều lần để Tòa án tiến hành tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy anh T không có thiện chí muốn trở về chung sống với chị Đ. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị là có thật, nếu để anh chị tiếp tục chung sống thì mục đích hôn nhân sẽ không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ là phù hợp.

[2] Về con chung: Anh chị có một con chung tên Hồ Hải Đăng, sinh ngày 21/9/2019. Thấy rằng bé Đăng mới vừa tròn 36 tháng tuổi, chị Đ là người đang trực tiếp nuôi, để đảm bảo cho sự phát triển bình thường của bé Đăng cả về thể chất lẫn tinh thần, nên giao bé Đăng cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với mức cấp dưỡng nuôi con chị Đ yêu cầu 2.500.000 đồng/tháng, do chị Đ không chứng minh được thu nhập thực tế ổn định của anh T, nên chỉ xem xét chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp.

[3] Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

[4] Chị Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật. Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5, khoản 6 điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lâm Thị Hồng Đ. Chị Lâm Thị Hồng Đ được ly hôn với anh Hồ Văn T.

Về con chung: Chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hồ Hải Đăng, sinh ngày 21/9/2019. Buộc anh T cấp dưỡng cho bé Đăng mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi bé Đăng tròn 18 tuổi (thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 28/12/2022)

Sau khi ly hôn, cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với con chung, người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi có căn cứ một hoặc cả hai bên chị Đ, anh T được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Đ chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009562 ngày 13/10/2022 là đủ. Anh T chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

Nguyên đơn, có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam(1b);
- UBND xã An Định (1b)
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
đã ký